



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 27 (03/07-07/07/23)

*Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số
VN30-Index và VN-Finlead Index*

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Thị trường tạo nền tích lũy trong quá trình giao dịch phân hóa*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30-Index và VN-Finlead Index*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV hút ròng*
4. PTKT VN-INDEX: *Tích lũy phân hóa 1,100 -1,125 điểm, VN-Index chờ sự đồng thuận cho nhịp tăng mới*
5. TIN VĨ MÔ: *GDP Quý 2/2023 của Việt Nam tăng trưởng 4.14%*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Ô tô và phụ tùng +3.93%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Thị trường tạo nền tích lũy trong quá trình giao dịch phân hóa

	Điểm số	Thay đổi (%)		
VN-INDEX	1120.18	-0.81%		
GTGD/phần (tỷ VND)	14,400.70	0.59%		
Khối ngoại (tỷ VND)	-340.53			
HNX-INDEX	227.32	-1.82%		
GTGD/phần (tỷ VND)	1424.89	-20.77%		
Khối ngoại (tỷ VND)	161.79			
TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4450.38	1.23%	2.35%	5.43%
EU (EURO STOXX)	4399.09	1.02%	2.98%	1.75%
China (SHCOMP)	3202.06	0.62%	0.13%	-0.08%
Japan (NIKKEI)	33189.04	-0.14%	1.24%	5.28%
Korea (KOSPI)	2564.28	0.56%	-0.23%	-0.19%
Singapore (STI)	3205.91	-0.04%	-0.51%	1.49%
Thailand (SET)	1503.10	1.59%	-0.16%	-1.20%
Phillipines (PCOMP)	6468.07	-0.67%	0.99%	-0.14%
Malaysia (KLCI)	1376.68	-0.84%	-1.29%	-0.75%
Indonesia (JCI)	6661.88	-0.04%	0.02%	-0.38%
Vietnam (VNIndex)	1120.18	-0.46%	-0.81%	2.69%

TTCK VIỆT NAM

VN-Index lùi bước trước thông tin GDP kém khả quan

VN-Index giảm 0.8% kết thúc chuỗi 4 tuần tăng điểm liên tiếp. Hoạt động chốt lãi đẩy mạnh trước thông tin GDP quý II kém khả quan trong 2 phiên cuối tuần đã lấy đi đà tăng trước đó. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn vận động ngược chiều so với tuần trước. VCB, BID, GAS tác động tiêu cực lên chỉ số trong khi MWG, HPG, GVR kìm hãm đà giảm chỉ số. Tâm lý thận trọng tăng cao kéo theo thanh khoản thấp và vận động dòng tiền hạn chế. Thị trường phân hóa mạnh với chỉ 10/19 ngành tăng điểm. Các ngành tăng điểm chủ yếu là ngành vốn hóa nhỏ ngoại trừ Tài nguyên cơ bản trong khi ngành tài chính dẫn đầu đà giảm. Mua ròng trong 2 phiên cuối tuần, khối ngoại vẫn bán ròng 492 tỷ trên Hose. Diễn biến thị trường dự báo tiếp tục tích lũy giằng co từ 1,100 – 1,125 điểm. Nhận định tuần trước về việc NGT tránh mua đuổi chốt lãi cổ phiếu nóng và dần chuyển dịch sang các cổ phiếu có triển vọng KQKD quý II tích cực vẫn được duy trì trong tuần này. GDP quý II và 1H2023 tăng lần lượt 4.14% và 3.72%, thấp thứ 2 trong 12 năm qua. Khu vực công nghiệp và xây dựng quý II (+2.5%) phục hồi nhẹ trong khi khu vực nông, lâm, thủy sản (+3.2%) và dịch vụ (+6.1%) tăng chậm hơn so với quý I. Ngành công nghiệp chỉ tăng 0.4%yoy và tồn kho tăng 19.9% yoy trong 1H2023. Tổng mức bán lẻ HH và DV tăng chậm dần trong quý II với mức tăng 8.7%yoy và tăng 10.9%yoy trong 1H2023. Khách quốc tế 1H2023 đạt 5.6 triệu người, tăng 9.3 lần cùng kỳ. FDI đăng ký và giải ngân giảm 4.3%yoy và tăng 0.5%yoy. XK và NK giảm 12.1%yoy, 18.2%yoy và xuất siêu 12.2 tỷ USD. CPI tháng 6 và bình quân 6 tháng tăng 0.67% và 3.29%. Vĩ mô ổn định dù vậy các động lực tăng trưởng quý II chưa cải thiện kéo theo triển vọng GDP 2023 kém khả quan.

TTCK THẾ GIỚI

Các thông tin vĩ mô giảm bớt lo ngại về suy thoái kinh tế của phố Wall

TTCK Hoa Kỳ giằng co trước quan điểm tăng lãi suất của FED. Các chỉ số CK vẫn hồi phục cuối tuần và tăng bình quân 1.2% nhờ GDP điều chỉnh tăng và đơn xin trợ cấp thất nghiệp giảm. Chỉ số EU600 tăng 1.9%, dẫn dắt bởi mức tăng 3.3% của TTCK Pháp. Cùng với TTCK Trung Quốc tăng 1.6%, TTCK Nhật hồi phục 1.2% sau tuần giảm điểm. Chỉ số DXY tăng giá nhẹ 0.01% trong tuần sau khi giảm mạnh trong phiên cuối tuần. Chỉ số hàng hóa tiếp tục giảm 1.3%, chủ yếu đến từ các mặt hàng nông nghiệp (Lúa mì -13.2%, Ngô -12%, Đường -5.3%) và mặt hàng kim loại (Chì -6.1%, Thiếc -3.6%, Đồng -1.5%). Trong tuần tới ngoài biên bản FOMC công bố, OPEC sẽ nhóm họp và có tác động đến giá dầu.

Tại diễn đàn thường niên ECB tại Sintra, chủ tịch NHTW các quốc gia lớn như Hoa Kỳ, ECB, Anh đều cam kết mạnh tay hơn với lạm phát. Chủ tịch FED kỳ vọng nâng lãi suất ít nhất 2 lần năm nay và để ngỏ khả năng tăng trong kỳ họp tháng 7 và tháng 9. ECB sẽ tăng lãi suất tháng 7 và ít chắc chắn hơn tại kỳ họp tháng 9. Riêng chủ tịch BOJ theo đuổi lãi suất thấp khi lạm phát cơ bản vẫn dưới 2% tuy nhiên sẵn sàng thay đổi khi lạm phát mục tiêu 2% trong năm 2024. Lãnh đạo các NHTW chủ chốt đều khẳng định quyết tâm trong bối cảnh chính sách thắt chặt tiền tệ chưa tác động nhiều đến lạm phát. Lạm phát lõi đã giảm những vẫn duy trì ở mức cao so với định hướng và số liệu này vẫn chi phối quyết định các NHTW trong 4 kỳ họp còn lại năm 2023.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục cổ phiếu thuộc bộ chỉ số VN30-Index và VN-Finlead Index

Ngày 17/07/2023, HOSE sẽ công bố danh mục các cổ phiếu thuộc chỉ số VN30 và VN-Finlead, đồng thời sẽ có hiệu lực từ ngày 07/08/2023.

Căn cứ trên số liệu kết thúc tại ngày 30/06/2023, BSC dự báo như sau:

- + Chỉ số VN30 sẽ thêm mới 02 cổ phiếu: **SSB và SHB** đồng thời sẽ loại bỏ cổ phiếu **PDR** – do giá trị vốn hóa nằm ngoài Top 40 và **NVL** – do đang trong diện bị cảnh báo. Hiện tại có 4 chứng chỉ quỹ ETF đang tham chiếu theo chỉ số VN30 và giao dịch tại HOSE bao gồm: E1VFN30, FUESSVN30, FUEMAVN30, FUEKIV30 với tổng tài sản ước tính khoảng **9,137 tỷ đồng**;
- + Chỉ số VN-Finlead dự kiến sẽ không có thay đổi nào trong kỳ đánh giá lần này. Giá trị có thể sai lệch đến từ việc tỷ lệ free-float áp dụng. Hiện tại đang có 01 chứng chỉ quỹ ETF (FUESSVFL) đang tham chiếu chỉ số này với tài sản **4,207 tỷ đồng**;
- BSC dự kiến số lượng mua bán cổ phiếu tại các quỹ ETF tham chiếu theo chỉ số VN30-Index và VN-Finlead Index như sau:

DỰ BÁO SLCP MUA/BÁN CÁC ETF THAM CHIẾU VN30-INDEX VÀ VN-FINLEAD INDEX QUÝ 3/2023										
Mã CK	ETF tham chiếu VN30 Index			ETF tham chiếu VN Finlead Index			Tổng SLCP mua/bán	KLGD TB 1 tháng	Số phiên giao dịch dự kiến	Ghi chú
	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán (Tỷ VND)	SLCP mua/bán	Tỷ trọng mới	Giá trị mua/bán (Tỷ VND)	SLCP mua/bán				
SSB	4.34%	396.51	14,658,506	2.00%	(18.74)	(692,871)	13,965,635	3,247,460	4.30	Dự kiến thêm
SHB	2.67%	244.29	19,543,158	4.94%	37.72	3,017,436	22,560,594	30,371,154	0.74	mới trong VN30
SAB	0.94%	7.37	47,960	0.00%	0.00	0	47,960	171,296	0.28	
EIB	0.00%	0.00	0	2.50%	57.46	2,704,147	2,704,147	14,269,541	0.19	
VPB	8.13%	(29.80)	(1,501,117)	13.22%	74.89	3,772,883	2,271,765	20,323,662	0.11	
LPB	0.00%	0.00	0	2.15%	8.60	567,857	567,857	9,169,375	0.06	
VIB	2.17%	(8.83)	(449,224)	1.35%	16.74	851,753	402,528	7,900,956	0.05	
OCB	0.00%	0.00	0	0.21%	1.55	84,746	84,746	1,810,028	0.05	
VCI	0.00%	0.00	0	1.44%	8.52	232,684	232,684	5,228,329	0.04	
PLX	0.41%	1.15	30,679	0.00%	0.00	0	30,679	723,620	0.04	
MSB	0.00%	0.00	0	0.87%	3.86	306,347	306,347	8,298,316	0.04	
HCM	0.00%	0.00	0	0.64%	5.30	188,149	188,149	6,842,664	0.03	
SSI	2.36%	(0.42)	(16,373)	8.09%	12.35	478,573	462,200	21,048,786	0.02	
VND	0.00%	0.00	0	4.91%	12.33	652,341	652,341	34,950,415	0.02	
POW	0.68%	(1.54)	(115,110)	0.00%	0.00	0	(115,110)	7,273,966	(0.02)	
HDB	2.85%	(8.56)	(459,997)	1.77%	6.57	352,959	(107,038)	6,641,346	(0.02)	
MWVG	4.14%	(4.62)	(106,761)	0.00%	0.00	0	(106,761)	4,753,502	(0.02)	
ACB	6.35%	(21.13)	(958,140)	6.22%	15.56	705,708	(252,432)	11,025,862	(0.02)	
HPG	7.29%	(17.20)	(657,856)	0.00%	0.00	0	(657,856)	25,996,575	(0.03)	
VIC	5.09%	(4.02)	(78,797)	0.00%	0.00	0	(78,797)	2,912,003	(0.03)	
GVR	0.27%	(2.53)	(130,316)	0.00%	0.00	0	(130,316)	3,691,389	(0.04)	
MSN	4.20%	(9.21)	(122,511)	0.00%	0.00	0	(122,511)	2,645,981	(0.05)	
BVH	0.29%	3.54	80,223	0.25%	(6.24)	(141,550)	(61,327)	958,879	(0.06)	
STB	4.90%	(13.16)	(441,611)	15.60%	(25.24)	(847,128)	(1,288,739)	17,572,411	(0.07)	
VHM	5.22%	(16.46)	(299,273)	0.00%	0.00	0	(299,273)	4,038,907	(0.07)	
CTG	1.85%	(14.19)	(480,944)	2.04%	(2.32)	(78,658)	(559,603)	7,472,479	(0.07)	
VRE	2.12%	(10.23)	(381,656)	0.00%	0.00	0	(381,656)	4,129,844	(0.09)	
VNM	5.17%	(37.64)	(530,187)	0.00%	0.00	0	(530,187)	4,970,479	(0.11)	
BID	0.76%	(12.08)	(278,679)	0.25%	5.27	121,581	(157,098)	1,318,783	(0.12)	
FPT	7.04%	(13.59)	(158,044)	0.00%	0.00	0	(158,044)	1,292,709	(0.12)	
TPB	2.07%	(15.68)	(870,845)	2.36%	(2.79)	(154,795)	(1,025,640)	7,505,176	(0.14)	
PDR	0.00%	(39.17)	(2,331,518)	0.00%	0.00	0	(2,331,518)	15,439,947	(0.15)	Dự kiến bị loại
VJC	2.23%	(18.21)	(193,087)	0.00%	0.00	0	(193,087)	1,227,662	(0.16)	
NVL	0.00%	(134.39)	(9,049,993)	0.00%	0.00	0	(9,049,993)	41,174,178	(0.22)	Dự kiến bị loại
VCB	4.54%	(16.50)	(164,991)	4.05%	(6.69)	(66,928)	(231,919)	990,642	(0.23)	
MBB	4.39%	(20.86)	(1,032,786)	9.45%	(44.69)	(2,212,447)	(3,245,233)	13,609,366	(0.24)	
GAS	0.78%	(18.27)	(196,405)	0.00%	0.00	0	(196,405)	651,263	(0.30)	
TCB	6.45%	(27.32)	(844,459)	13.90%	(84.68)	(2,617,518)	(3,461,977)	8,225,858	(0.42)	
BCM	0.29%	(14.30)	(180,528)	0.00%	0.00	0	(180,528)	328,544	(0.55)	

Nguồn: BSC Research



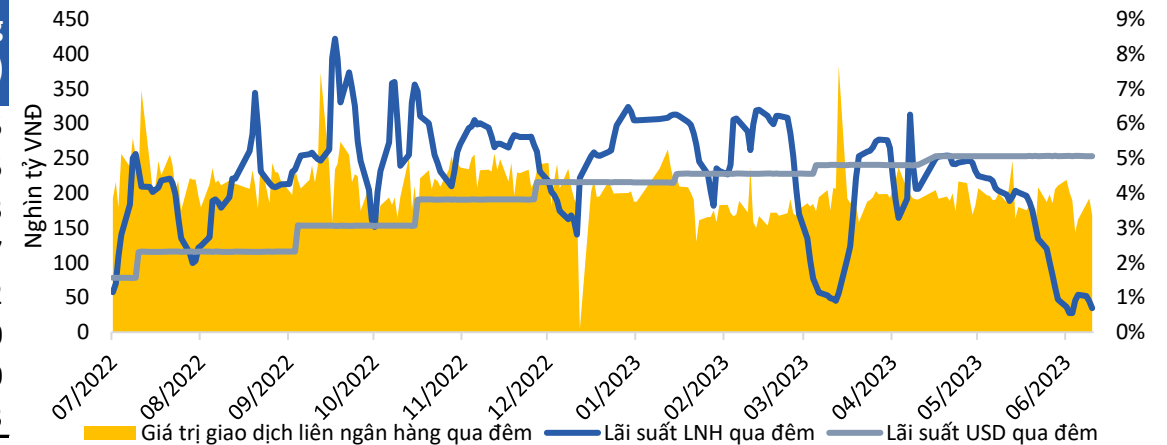
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 19	8/5/2023	12/5/2023	60,572.26	5,814.01	-54,758.25
Tuần 20	15/5/2023	19/5/2023	7,103.55	20,000.00	12,896.45
Tuần 21	22/5/2023	26/5/2023	753.48	49,547.41	48,793.93
Tuần 22	29/5/2023	1/6/2023	547.61	25,514.48	24,966.87
Tuần 23	6/5/2023	6/9/2023	1,354.88	16,900.00	15,545.12
Tuần 24	12/6/2023	16/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 25	19/6/2023	23/6/2023	0.00	0.00	0.00
Tuần 26	26/6/2023	30/6/2023	293.83	0.00	-293.83

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.87%	1.40%	1.65%	3.83%	5.25%	6.32%	8.08%
So với tuần trước	0.11%	0.39%	0.06%	0.77%	0.26%	-0.56%	-0.06%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	181,880.33	34,066	4,121	1,692	1,939	775	30
So với tuần trước	-0.65%	111.94%	-65.68%	81.20%	-11.57%	82.26%	32%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 28/06/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 26, 0 giá trị tín phiếu được phát hành. Đồng thời, SBV không thực hiện mua giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã hút ròng 293.83 tỷ đồng.

- Lãi suất liên ngân hàng bình quân qua đêm: 0.87%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 181.88 nghìn tỷ VNĐ

PTKT VN-INDEX: Tích lũy phân hóa 1,100 -1,125 điểm, VN-Index chờ sự đồng thuận cho nhịp tăng mới

Đồ thị ngày: Sau 3 cây nến long legged doji, VN-Index có 2 phiên giảm rõ rệt lùi về sát SMA20 tại quanh 1,120 điểm. Trong tuần, VN-Index cũng tiến gần SAM200 đồ thị tuần tại 1,140 điểm và điều chỉnh sau khi xuất hiện tín hiệu phân kỳ âm giữa giá và RSI. Hoạt động chốt lãi đẩy chỉ số về lại SMA20 dù vậy lực cầu bắt đáy ở vùng giá thấp vẫn khá tích cực. Các chỉ báo kỹ thuật trở lại vùng trung tính và thanh khoản có xu hướng thu hẹp.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm nhẹ từ mức 71 xuống 58 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản đi ngang so tuần trước.
- VN-Index vượt qua trên các đường SMA, quay trở lại dải Bollinger band. VN-Index dừng tại SMA200 tuần.

Nhận định: Áp lực chốt lãi xuất hiện khi chỉ số tiến gần đến cản ngắn hạn tại 1,150 điểm và đón nhận thông tin GDP kém khả quan. Tâm lý thận trọng trước mùa công bố QKKD kéo theo thanh khoản thu gọn và vòng tiền luân chuyển giữa nhóm ngành chậm lại. Thị trường nhiều khả năng cần một khoảng thời gian tích lũy tạo nền giá từ 1,100 – 1,125 điểm cùng với sự phân hóa cổ phiếu trước khi có sự đồng thuận và thông tin hỗ trợ để tiếp tục vận động theo xu hướng tăng điểm hiện tại.



Nguồn: BSC Research

TIN VĨ MÔ: GDP Quý 2/2023 của Việt Nam tăng trưởng 4.14%

VIỆT NAM:

- Thủ tướng: đề nghị nghiên cứu khả năng phát triển tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn, tốc độ cao kết nối Việt - Trung khi gặp Chủ tịch Tập Cận Bình vào ngày 27/6.
- Chính phủ: yêu cầu xử lý phương án chuyển nhượng Công ty Nhiên liệu hàng không (Skypec) từ Vietnam Airlines về PVN.
- Bộ Tài chính: ban hành kế hoạch hành động phát triển vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2045.
- Ngân hàng Nhà nước: ban hành Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng theo đó nghiêm cấm mục đích cho vay vốn để gửi tiền.
- Bộ Tài chính: VSD đang phối hợp với HNX xây dựng hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ với cơ chế kết nối và đồng bộ thông tin, tài khoản nhà đầu tư đăng ký giao dịch để tăng cường quản lý, đảm bảo NĐT trong giao dịch trái phiếu riêng lẻ đúng đối tượng theo quy định của pháp luật.
- UBCKNN: dự kiến ngay trong T7.2023, sàn giao dịch thứ cấp cho TDN phát hành riêng lẻ sẽ được đưa vào vận hành.
- Bộ Công Thương: đề xuất người dân và doanh nghiệp lắp đặt điện mặt trời mái nhà tại nhà ở, trụ sở làm việc sẽ được miễn nhiều loại giấy phép.
- Tổng cục thống kê: GDP Quý 2/2023 tăng trưởng 4.14%, GDP 6 tháng năm 2023 tăng 3.72%
- Tổng cục thống kê: CPI tháng 06 tăng 2.0% YoY, bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3.29%
- Tổng cục thống kê: Vốn FDI thực hiện 6 tháng ước đạt 10.02 tỷ USD, tăng 0.5% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng từ âm về dương cho thấy tín hiệu cải thiện trong việc giải ngân vốn FDI.

THẾ GIỚI:

- Chủ tịch FED: lạm phát được chứng minh là dai dẳng hơn dự kiến. Đa số thành viên FOMC ủng hộ 2 lần tăng lãi suất nữa.
- Hoa Kỳ: cán cân thương mại tháng 5 thâm hụt \$91.31 tỷ. Trước đó: thâm hụt \$96.11 tỷ. Xuất khẩu: \$162.8 tỷ so với \$163.3 tỷ trước đó Nhập khẩu: \$254.0 tỷ so với \$260.0 tỷ trước đó.
- Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ: dự báo khả năng nhiều ngân hàng nước này sẽ tiến hành sáp nhập do lãi suất ở mức cao. Nhiều ngân hàng tại nước này gặp khó khăn trong việc tất toán tiền gửi cho khách hàng.
- Hoa Kỳ: đơn xin thế chấp bằng MBA tuần 25 tháng 6 +3.0% (trước đó +0.5%). Lãi suất thế chấp 30 năm ở mức 6.75%.
- Trung Quốc: không ngừng bổ sung công suất hóa dầu mới bất chấp tình trạng thừa nguồn cung toàn cầu khi các nhà máy lọc dầu đang đa dạng hóa nhiên liệu vận tải, đe dọa là giảm tỷ suất lợi nhuận trên toàn thế giới đến năm 2024.
- Trung Quốc: Thủ tướng Lý Cường cho biết tăng trưởng kinh tế đang tăng tốc và có thể đạt được mục tiêu 5.0% trong năm nay đồng thời sẽ đưa ra các biện pháp thiết thực hơn để mở rộng nhu cầu trong nước và kích thích thị trường.
- EU: đã tăng đáng kể các mục tiêu năng lượng tái tạo, theo đó đặt mục tiêu đến năm 2030 có 42.5% năng lượng đến từ các nguồn tái tạo thay vì ở mức 32% như hiện nay.
- Eurozone: cung tiền M3 tháng 5 +1.4% so với +1.5% cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng tiếp tục chậm lại khi ECB thắt chặt chính sách.
- ECB: Chủ tịch Lagarde cho rằng lạm phát vẫn đang ở mức cao, sẽ cam kết đạt được mục tiêu lạm phát.
- Anh: giá tại các siêu thị và chuỗi bán lẻ +8.4% YoY. Đây là mức cao nhất trong số các dữ liệu được ghi nhận từ năm 2005.
- Anh: doanh số bán lẻ tháng 6 tiếp tục giảm dù với tốc độ chậm hơn đã nói lên khó khăn mà các nhà bán lẻ gặp phải vào thời điểm hiện tại khi lạm phát cao tiếp tục tác động tiêu cực đến nhu cầu.

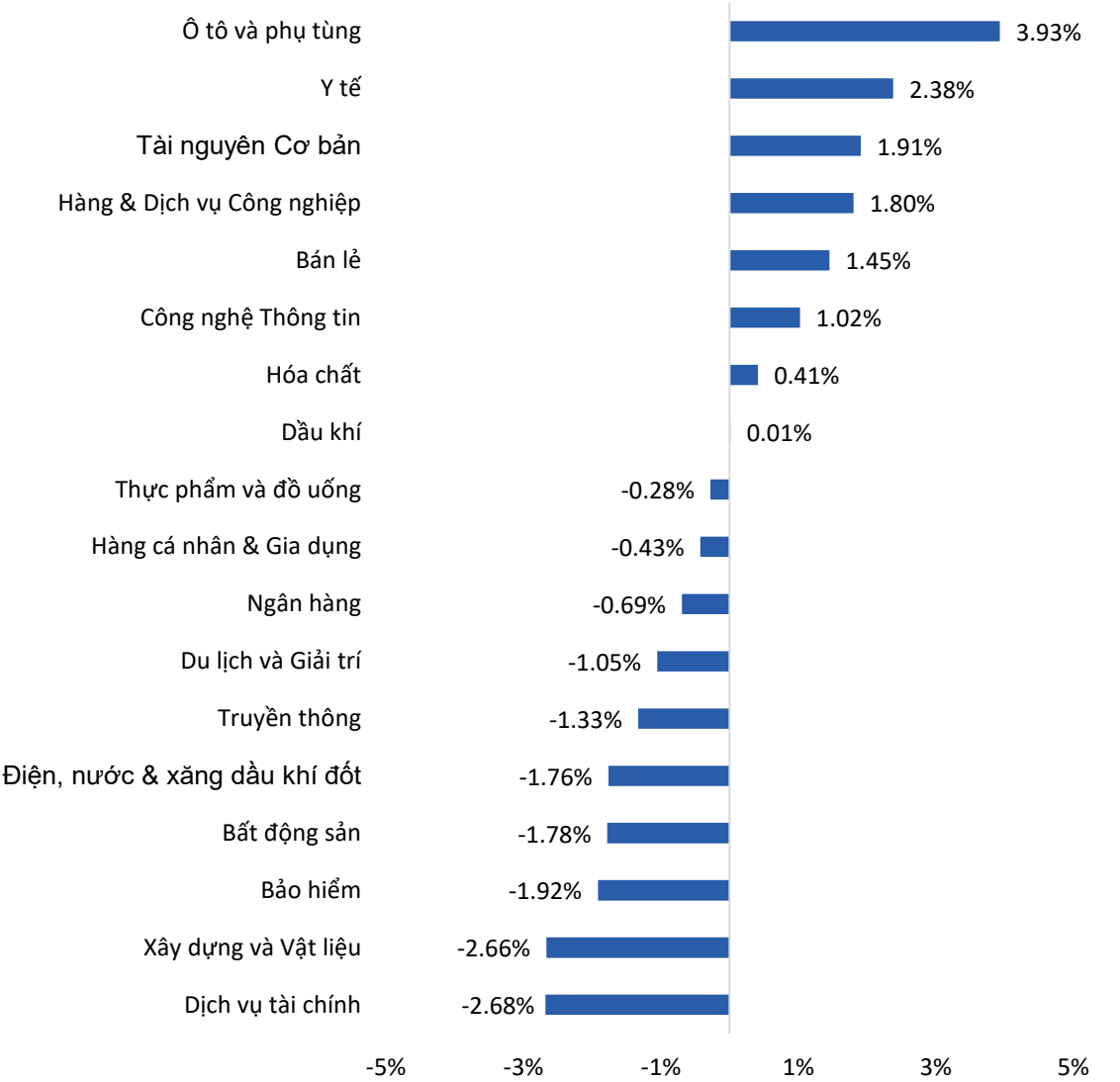
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin sơ bộ về KQKD quý II của các công ty niêm yết;
- 3/7, PMI Trung Quốc, EU, Hoa Kỳ. 4/7, Lãi suất và biên bản tiền tệ NHTW Australia; PIM Canada. 5/7, PMI dịch vụ EU, Anh; Cuộc họp OPEC. 6/7, Biên bản FOMC; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp, thay đổi bảng lương phi nông nghiệp; PMI dịch vụ và dự trữ dầu thô Hoa Kỳ; Doanh thu bán lẻ EU. 7/7, CPI, Cán cân thương mại Trung Quốc; Tỷ lệ thất nghiệp Canada và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Ô tô và phụ tùng	0.69%	3.93%	7.47%	VEA	-0.53%	0.00	0.00%
Y tế	0.70%	2.38%	11.21%	DBD	0.51%	PME	0.38%
Tài nguyên Cơ bản	0.99%	1.91%	19.42%	HPG	2.95%	HSG	-2.34%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.86%	1.80%	10.90%	GDM	-1.52%	VSC	1.57%
Bán lẻ	2.11%	1.45%	12.32%	MWG	0.93%	PNJ	-1.06%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	70.64	1.12%	2.14%	1.49%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	75.41	1.21%	1.89%	4.03%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	254.49	1.66%	4.44%	5.51%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,919.35	0.58%	-0.10%	-2.21%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	22.77	0.93%	1.55%	-3.03%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,343.25	6.12%	2.54%	16.48%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	651.00	-2.47%	-12.79%	7.51%		AFX
Sữa	USD/cwt	14.18	0.64%	-7.62%	-13.11%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	204.00	0.15%	-0.97%	-1.92%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	22.79	3.22%	-6.18%	-8.84%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	159.00	-1.61%	-3.55%	-9.06%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	8,315.50	1.69%	-0.89%	2.80%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,746.00	0.64%	2.57%	7.37%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,151.50	-0.39%	-1.06%	-4.21%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	833.00	0.54%	5.24%	17.41%		HPG
Than đá	USD/MT	159.25	1.89%	11.60%	11.13%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	529.65	0.60%	2.37%	3.84%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC

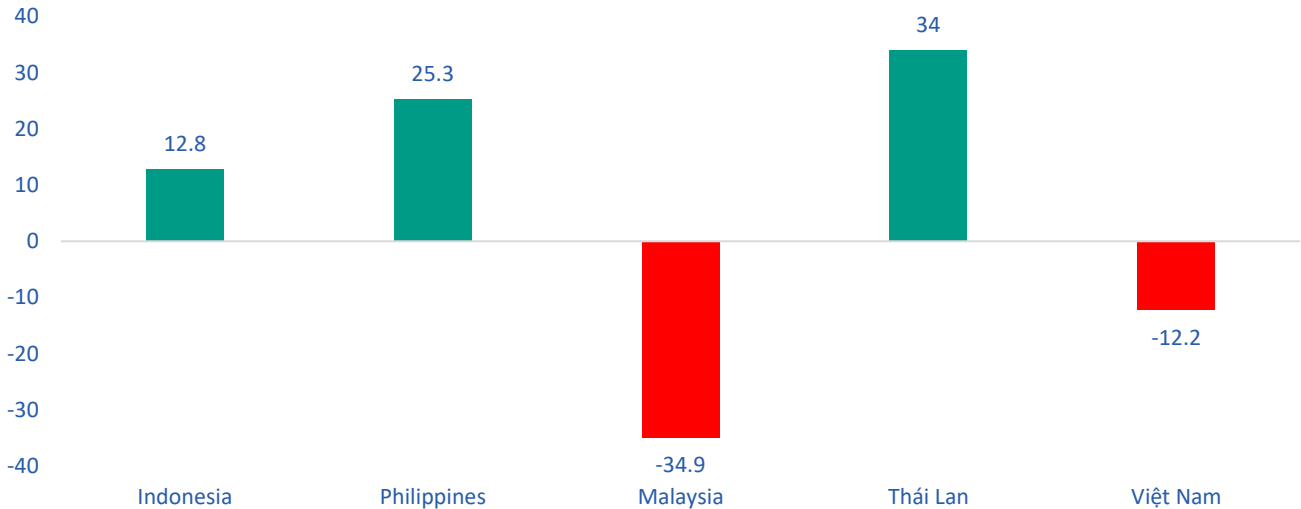


Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	25.0	(730.7)	(1,480.1)	(3,402.8)
Indonesia	12.8	-292.8	644.8	1090.2
Philippines	25.3	97.4	51	-467.3
Malaysia	-34.9	-248.8	-464.1	-887
Thái Lan	34	-263.2	-1461.2	-3106.8
Việt Nam	-12.2	-23.3	-250.6	-31.9
Các nước khác	(645.5)	4,641.3	17,957.1	28,915.2
Hàn Quốc	-669.5	-1255.7	2474.7	7944.3
Đài Loan	-1963.7	625	3277.1	11247.3
Ấn Độ	1985.8	5273	12204.2	9721.7
Sri Lanka	1.9	-1	1.1	1.9

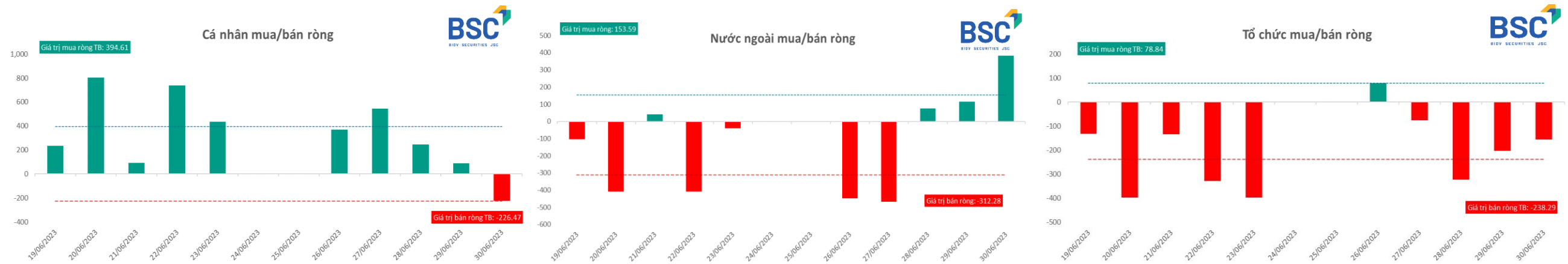


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Mar-23					Apr-23				May-23					Jun-23					
	W8	W9	W10	W11	W12	W13	W14	W15	W16	W17	W18	W19	W20	W21	W22	W23	W24	W25	W26	Tổng
	(9.31)	(5.97)	7.24	16.43	30.15	16.53	3.86	(5.40)	(0.51)	(30.73)	(31.16)	(16.97)	(5.24)	(14.32)	(25.56)	(2.27)	12.39	4.28	(7.95)	269.35
ETF ngoại	(7.95)	5.38	8.24	24.01	35.68	20.38	4.16	0.89	0.10	(23.28)	(31.16)	(8.27)	-	(2.98)	(16.63)	2.70	5.39	(11.62)	1.82	268.39
Fubon	0.00	0.00	0.00	17.81	32.21	14.88	(0.94)	0.18	3.86	0.73	0.36	1.10	0.00	0.00	0.00	(0.19)	(0.58)	0.00	(0.20)	70.70
VNM	0.00	1.15	4.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.85)	(4.82)	(18.46)	(1.20)	(4.26)	0.00	0.00	0.01	5.22	2.65	1.34	2.02	74.99
FTSE	0.90	4.23	4.24	-	(3.89)	0.52	-	2.56	1.06	0.77	0.00	0.00	0.00	0.79	0.00	1.52	3.32	0.00	0.00	63.01
iShare	(8.85)	-	-	6.20	7.36	4.98	5.10	0.00	0.00	(6.32)	(30.32)	(5.11)	0.00	(3.77)	(16.64)	(3.85)	0.00	(12.96)	0.00	59.69
ETF nội	(1.36)	(11.35)	(1.00)	(7.58)	(5.53)	(3.85)	(0.30)	(6.29)	(0.61)	(7.45)	-	(8.70)	(5.24)	(11.34)	(8.93)	(4.97)	7.00	15.90	(9.77)	0.96
Diamond	-	(5.89)	(1.10)	(2.74)	(3.00)	(3.00)	(0.10)	(6.16)	(0.29)	(5.00)	-	(1.89)	(3.14)	(4.20)	(7.94)	(3.50)	5.80	14.10	(1.43)	2.31
E1	(1.55)	(4.07)	0.82	(4.06)	(1.10)	0.50	(0.55)	0.08	0.08	(1.51)	-	(6.88)	(2.10)	(6.44)	(0.78)	(3.54)	1.94	0.24	(7.35)	(2.19)
Finlead	0.19	(1.39)	(0.72)	(0.78)	(1.43)	(1.35)	0.35	(0.21)	(0.40)	(0.94)	-	0.07	-	(0.70)	(0.21)	2.07	(0.74)	1.56	(0.99)	0.84

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
E1VFN30	8,937,500	173.28	FUEKIVFS	6,494,600	-65.66	HPG	28,952,200	745.46	VHM	3,890,407	-227.92	NVL	26,990,661	401.00	HPG	27,759,088	-714.16
EIB	6,064,500	121.59	HPG	2,033,142	-52.13	CTG	3,381,500	99.06	STB	6,657,400	-197.26	DIG	15,913,617	360.51	GEX	6,817,014	-133.92
CTG	2,714,600	78.87	ACB	1,663,451	-36.96	FRT	1,292,900	88.18	VRE	5,899,700	-159.03	VHM	4,099,742	239.51	KBC	4,350,817	-129.11
STB	2,198,698	64.76	BID	804,520	-36.28	HDG	1,194,200	46.33	NLG	2,622,500	-88.03	EIB	8,032,576	180.72	MSN	1,208,155	-97.88
KDC	808,500	50.53	VCB	280,601	-28.76	DGW	1,099,000	46.13	KBC	2,744,600	-82.25	VRE	6,301,494	169.95	PET	3,479,600	-95.25
FUEVFNVD	1,494,900	35.74	BCM	346,100	-28.04	PVD	1,728,100	42.30	GAS	711,300	-67.61	GAS	1,230,092	117.32	VGC	2,093,500	-89.56
FUESSVFL	1,887,800	33.38	MBB	1,147,474	-23.72	GEX	2,110,600	40.10	VND	3,320,500	-63.42	AAA	9,955,780	115.59	FRT	1,221,545	-83.21
VIB	1,379,299	27.28	MWG	515,100	-22.63	VHC	547,600	35.59	VPB	3,101,600	-62.84	VNM	1,657,713	113.76	VCG	3,677,738	-78.16
NVL	1,286,900	18.62	PET	745,100	-21.02	HHV	1,824,300	27.57	SAB	386,000	-59.71	VND	4,140,770	79.27	CTG	2,199,906	-65.15
SSI	428,499	11.05	HNG	4,741,800	-19.71	SHB	1,920,300	24.43	BID	1,328,200	-59.56	NLG	2,349,998	78.94	SSI	2,319,890	-61.83

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	100	-1.90%	1.00	20,091.00	2.40	7,311.00	13.68	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	43.4	-2.60%	0.90	9,310.00	1.80	4,208.00	10.31	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.8	-0.30%	1.10	5,657.00	10.40	-			17.00%	Link
TCB	Ngân hàng	32.4	-0.90%	1.60	4,830.00	3.40	-			22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	20.2	-0.50%	1.50	3,888.00	5.70	4,640.00	4.35	26,000	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	29.8	0.80%	1.30	2,385.00	10.30	4,603.00	6.47	24,600	25.80%	Link
GVR	BĐS KCN	19.4	1.80%	1.90	3,294.00	2.60	4,880.00	3.98	31,200	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	29.4	1.20%	1.70	956.00	9.40				19.60%	Link
IDC	BĐS KCN	42.4	0.00%	1.70	594.00	2.20	1,217.00		19,100	10.80%	Link
VGC	BĐS KCN	42.6	0.90%	1.80	811.00	2.10	1,916.00	22.23	25,000	4.70%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	26.2	1.40%	2.10	6,455.00	25.60	1,896.00	13.82	18,500	25.30%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55	0.00%	1.00	10,167.00	3.40	5,227.00	10.52	68,300	24.30%	Link
VRE	BĐS	27	-0.70%	1.00	2,585.00	3.00	1,576.00	17.01	31,800	32.60%	Link
KDH	BĐS	30.8	0.20%	1.70	937.00	1.80	2,557.00	12.05	38,700	38.20%	Link
NLG	BĐS	33	-0.20%	1.60	538.00	3.60	14,120.00	2.34	42,000	44.10%	Link
DGC	Phân bón	63.8	1.30%	1.80	1,029.00	5.20	6,793.00	9.39	122,300	14.80%	Link
DPM	Dầu khí	34.8	-0.30%	1.00	577.00	2.90	2,625.00	13.26	42,000	14.80%	Link
DCM	Dầu khí	26.4	0.40%	1.30	593.00	2.70	2,292.00	11.52	18,400	9.30%	Link
GAS	Dầu khí	93	-1.70%	0.70	7,557.00	2.70	1,340.00	69.40	31,100	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	37.4	-0.40%	0.90	2,015.00	0.70	2,929.00	12.77	24,300	17.70%	Link
PVS	Dầu khí	32.4	-0.30%	1.00	657.00	4.30	993.00	32.63	13,000	20.80%	Link
PVD	Dầu khí	24.5	0.00%	1.20	578.00	2.90	7,698.00	3.18	85,000	22.00%	Link
POW	Tiện ích	13.4	-1.10%	0.90	1,332.00	3.90	3,895.00	3.44	87,600	7.80%	Link
VNM	Bán lẻ	71	-1.30%	0.40	6,300.00	11.00	2,605.00	27.26	96,000	53.90%	Link
MSN	Bán lẻ	75.2	-0.30%	1.20	4,545.00	2.80	3,456.00	21.76	55,200	30.10%	Link
MWG	Bán lẻ	43.3	1.40%	1.70	2,689.00	6.40	7,475.00	5.79	95,000	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	75	0.00%	0.70	1,044.00	3.90	2,965.00	25.30	77,100	48.70%	Link
VHC	Thủy sản	65	0.00%	1.00	506.00	2.30	12,800.00	5.08	67,500	30.50%	Link
GMD	Logistics	51.9	0.40%	0.40	664.00	1.00	7,059.00	7.35	57,000	47.40%	Link
FPT	Công nghệ	86	-0.60%	0.70	4,032.00	2.70	5,901.00	14.57	91,900	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	29.5	-1.30%	1.20	6,019.00	7.00	3,520.27	8.24	1.30	27.20%	16.30%
ACB	Ngân hàng	22	0.70%	1.10	3,636.00	4.80	3,742.40	5.80	1.40	26.10%	26.30%
HDB	Ngân hàng	18.6	1.40%	0.80	1,986.00	2.40	3,148.88	5.92	1.20	19.70%	23.90%
LPB	Ngân hàng	15.2	0.00%	1.40	1,112.00	1.70	2,732.22	5.36	1.10	4.10%	19.90%
VIB	Ngân hàng	19.6	-0.50%	1.20	2,110.00	2.80	4,162.83	5.56	1.50	17.10%	30.00%
VND	Chứng khoán	18.9	0.50%	2.10	977.00	14.70	489.06	39.05	1.60	23.50%	4.80%
TPB	Ngân hàng	18	-0.60%	1.00	1,682.00	2.00	2,895.37	6.27	1.20	20.80%	20.90%
SSI	chứng khoán	25.8	1.40%	1.70	1,642.00	15.90	1,119.93	22.95	1.70	44.90%	7.90%
CII	Xây dựng	18.2	-0.30%	1.60	220.00	4.90	217.60	79.96	6.50	8.70%	3.00%
C4G	Xây dựng	13.6	0.00%	1.90	195.00	1.10	790.73	16.31	1.80	0.00%	6.90%
CTD	Xây dựng	68.9	0.40%	2.00	218.00	1.60	183.95	359.87	0.60	49.00%	0.20%
HHV	Xây dựng	15.2	0.70%	1.60	213.00	2.90	903.05	15.06	0.60	3.80%	3.90%
LCG	Xây dựng	13	-0.40%	2.10	107.00	2.40	780.72	16.65	1.00	3.30%	6.00%
BCM	KCN	79.2	0.00%	0.80	3,480.00	1.60	1,170.44	68.35	4.60	2.70%	7.60%
HUT	KCN	19.3	-0.50%	1.40	286.00	1.40	161.84	113.08	1.90	1.90%	1.30%
PHR	KCN	46.4	-0.30%	1.40	267.00	0.80	6,038.56	7.62	1.70	15.20%	24.40%
SZC	KCN	36.2	0.40%	1.80	154.00	0.90	1,323.36	26.37	2.30	3.10%	9.00%
HSG	Vật liệu	16.4	0.30%	2.40	430.00	5.20	(1,744.42)		1.00	17.30%	2.30%
HT1	Vật liệu	16.2	0.00%	1.50	262.00	0.60	386.12	38.07	1.30	3.50%	3.00%
NKG	Vật liệu	17.2	0.00%	2.50	193.00	4.20	(2,585.96)		0.90	9.80%	13.50%
PTB	Vật liệu	47.6	-0.20%	1.10	137.00	0.30	6,016.80	7.97	1.20	14.40%	15.60%
KSB	Vật liệu	29.8	0.00%	1.70	96.00	2.70	1,392.77	19.03	1.20	1.80%	6.50%
NVL	BĐS	14.8	-1.00%	1.30	1,229.00	17.60	362.35	42.09	0.70	3.60%	1.90%
DXG	BĐS	14.8	-0.30%	2.70	385.00	7.30	(239.59)		0.70	18.70%	3.40%
HDC	BĐS	28	-1.60%	0.90	161.00	1.00	3,157.20	11.31	2.00	1.50%	20.60%
DIG	BĐS	21	-0.20%	2.40	545.00	16.30	261.72	78.52	1.70	5.60%	2.10%
IJC	BĐS	14	-2.40%	2.10	149.00	1.30	1,661.89	8.85	0.90	6.20%	12.10%
BSR	Dầu khí	17.3	-0.60%	1.40	2,277.00	4.60	4,750.00	3.68	1.00	0.00%	29.60%
PVT	Dầu khí	23.2	1.10%	0.90	318.00	3.90	2,740.01	7.68	0.90	15.50%	15.10%
PLC	Săm lốp	37.5	-0.30%	1.60	129.00	0.30	1,355.49	27.59	2.40	1.30%	9.40%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Tiện ích	22	4.50%	1.20	111.00	1.30	2,246.06	8.93	1.40	8.90%	14.40%
REE	Tiện ích	65.2	2.20%	0.80	1,131.00	5.00	6,714.22	9.20	1.40	49.00%	19.70%
GEX	Tiện ích	19.4	4.00%	1.80	700.00	11.90	9.99	1902.66	0.90	10.90%	4.20%
NT2	Tiện ích	29.9	-3.50%	0.60	365.00	1.50	3,244.99	9.92	1.90	15.70%	21.40%
HDG	Tiện ích	38.7	-0.80%	1.80	402.00	1.40	4,718.16	7.99	1.50	24.30%	22.80%
PC1	Tiện ích	26.7	-1.80%	1.60	306.00	2.10	1,257.41	22.27	1.30	7.20%	6.20%
GEG	Tiện ích	16.4	1.90%	1.10	269.00	1.00	955.97	16.89	1.10	38.40%	6.20%
BCG	Dầu khí	9.2	0.70%	2.40	209.00	1.60	220.40	43.92	0.40	1.70%	0.30%
SAB	Bán lẻ	153.6	-0.30%	0.10	4,182.00	1.00	7,649.00	20.79	4.00	62.40%	21.80%
QNS	Bán lẻ	48.1	1.50%	0.40	-	1.30	4,226.00	10.65	2.30	17.60%	19.50%
FRT	Bán lẻ	71.6	6.90%	1.60	414.00	8.70	1,620.00	38.58	5.20	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	41.6	3.00%	2.20	295.00	4.20	3,396.50	11.63	3.20	23.00%	24.70%
DBC	Bán lẻ	21	1.40%	2.00	219.00	3.50	(1,339.12)		1.20	6.90%	3.20%
PET	Bán lẻ	27.5	1.90%	2.50	115.00	0.90	1,025.57	25.89	1.40	0.00%	6.30%
BAF	Bán lẻ	23	0.40%	1.10	140.00	2.10	1,408.62	16.58	1.90	0.20%	12.10%
ANV	Thủy sản	35.8	-0.40%	2.00	203.00	2.80	4,368.00	7.78	1.80	4.40%	20.80%
VSC	Logistics	35.6	0.90%	0.20	183.00	0.80	2,086.56	15.60	1.40	3.10%	10.70%
HAH	Logistics	45	0.70%	1.30	134.00	2.50	9,072.47	4.80	1.10	5.20%	35.90%
CTR	Công nghệ	70.5	-0.10%	1.50	342.00	0.30	4,040.07	17.90	4.70	10.70%	29.40%
TNG	Dệt may	18.6	-0.50%	1.70	90.00	1.30	2,665.32	7.02	1.30	15.30%	19.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisititc, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký